

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08** /2021/DS-ST
Ngày: 23- 3 - 2021
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Nguyệt.

2. Bà Phạm Thị Cung.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 18/02/2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lê Văn M, sinh năm: 1941. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Y, Thanh Hóa.

- ***Bị đơn:*** Anh Lê Văn H, sinh năm: 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Y, Thanh Hóa.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1- Anh Lê Văn S, sinh năm: 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Y, Thanh Hóa.

2- Chị Lê Thị Th, sinh năm: 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Y, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2020, bản tự khai ngày 24/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Văn M trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị C (sinh năm: 1945, mất năm: 2013) kết hôn với nhau năm 1969, sinh được 03 người con là: Lê Văn H, sinh năm: 1972; Lê Văn S, sinh năm: 1975 và Lê Thị Th, sinh năm: 1982. Các con đều đã trưởng thành có gia đình riêng.

Vợ chồng ông có tài sản chung là thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã A, diện tích 47,5m², địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn. Hiện tại, ông là người quản lý khối tài sản này.

Do hoàn cảnh gia đình không đoàn kết, con cả Lê Văn H không có trách nhiệm với bố mẹ, gia đình. Nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của vợ ông là bà Nguyễn Thị C để lại là 50% khối tài sản là nhà đất tại thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, bản đồ địa chính xã A, diện tích 47,5m², địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Tại đơn đề nghị ngày 15/12/2020 và bản tự khai ngày 24/12/2020, bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Bố mẹ anh là ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị C (đã mất), sinh được 03 người con là: Lê Văn H, sinh năm: 1972; Lê Văn S, sinh năm: 1975 và Lê Thị Th, sinh năm: 1982.

Ông M và bà C có tài sản là thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, diện tích 47,5m². Khi còn sống mẹ anh đã chia cho 02 anh em đám đất ở nhà trong mỗi người một nửa, còn 02 thửa đất dịch vụ đã cho 02 anh em mỗi người một thửa, nhưng không ghi văn bản hợp gia đình. Vì lúc đó anh em trong nhà đoàn kết, xum họp. Lúc này vợ chồng anh làm bưu điện, ăn ở tại chỗ. Còn em trai là Lê Văn S, đã lập gia đình ở trên thửa đất bố mẹ cho để tiện làm ăn kinh tế độc lập. Còn thửa đất 47,5m², bà C nói là phần của anh, có sự thống nhất của ông M, có sự chứng kiến của anh em ruột của mẹ anh và một số người hàng xóm. Nay xảy ra việc ông M kiện chia thừa kế là do thửa đất 47,5m² có biến đổi về giá cả. Hai em của anh đã bàn với bố để bán. Anh đã nói với ông M và hai em là anh đưa cho ông M 200 triệu đồng để có tiền lo lúc về già nhưng ông M không nhất trí. Ông M bảo với anh bán đất đưa cho anh 200 triệu đồng, còn lại chia cho ông M và anh S, chị Th. Anh S, chị Th đã nói không lấy tiền thì ông M lấy nhiều tiền để làm gì. Vì ông M đã có lương nhà nước cấp, còn thửa đất 47,5m² ông M vẫn cho thuê, lấy tiền hàng tháng.

Nay ông M khởi kiện chia thừa kế di sản của bà C để lại là 50% khối tài sản chung của bố mẹ anh - thửa đất thửa đất 47,5m², anh không đồng ý chia thừa kế. Vì khi còn sống bà C đã nói cho anh thửa đất này.

- Tại bản tự khai ngày 24/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn S trình bày:

Bố mẹ anh là ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị C (đã mất), sinh được 03 người con là: Lê Văn H, sinh năm: 1972; Lê Văn S, sinh năm: 1975 và Lê Thị Th, sinh năm: 1982.

Ông M và bà C có tài sản chung là thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, diện tích 47,5m², địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Ông M muốn bán thửa đất này để chia thừa kế nhưng anh H không đồng ý nên ông M phải khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế. Anh đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bà C theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế của anh, anh xin chuyển cho ông M.

- Tại bản tự khai ngày 24/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Th trình bày:

Bố mẹ chị là ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị C (đã mất), sinh được 03 người con là: Lê Văn H, sinh năm: 1972; Lê Văn S, sinh năm: 1975 và Lê Thị Th, sinh năm: 1982.

Ông M và bà C có tài sản chung là thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, diện tích 47,5m², địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Thửa đất này do ông M đang quản lý. Bà C đã mất năm 2013. Ông M và các con không thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà C được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bà C theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế của chị, chị xin chuyển cho ông M.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp như sau:

+ Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo vẽ hiện trạng tài sản ngày 08/01/2021 thể hiện: Thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 870164, do UBND huyện Yên Định cấp ngày 24/4/2003, mang tên bà Nguyễn Thị C. Thửa đất có tứ cận: Cạnh phía Tây Bắc giáp tỉnh lộ 516B dài 9,7m; cạnh phía Đông Bắc giáp hộ ông Trịnh Thanh Viên dài 4,9m; cạnh phía Đông Nam giáp hộ bà Lê Thị Thiên, dài 9,7m; cạnh phía Tây Nam giáp hộ ông Trịnh Văn Hoàng, dài 4,9m. Tổng diện tích thửa đất là 47,5m². Trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn 4 gian, mái ngói, trần tôn, diện tích 34,9m², do vợ chồng ông M,

bà C xây dựng từ năm 1992. Hiện tại ông M đang cho thuê ngôi nhà làm phòng khám nha khoa.

+ Tại biên bản định giá tài sản ngày 08/01/2021, Hội đồng định giá đã định giá các tài sản như sau:

Quyền sử dụng thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 47,5m² có giá là 650.000.000đ.

Ngôi nhà cấp bốn diện tích 34,9m² có giá là 13.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản định giá là 663.000.000đ.

- *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông Lê Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị HĐXX chia thừa kế di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C là 1/2 khối tài sản gồm: thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa và 01 ngôi nhà cấp bốn trên đất, chia theo quy định của pháp luật. Ngoài ra vợ chồng ông không còn tài sản nào khác. Nguồn gốc thửa đất 47,5m² là do vợ chồng ông mua đất, làm nhà và ở trên đó từ xưa đến khi bà C mất. Ông và bà C chưa bao giờ nói là cho anh H thửa đất này như anh H đã trình bày. Về quan điểm chia thừa kế: Ông có nguyện vọng được nhận phần thừa kế là đất và sẽ thanh toán cho các con ông phần thừa kế mà các con ông được hưởng.

Bị đơn là anh Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn S và chị Lê Thị Th khẳng định ông M và bà C không nói là cho anh H thửa đất 47,5 m². Anh S và chị Th đề nghị Tòa án chia thừa kế tài sản của bà C theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế anh S và chị Th được hưởng, anh S và chị Th tặng cho ông M sở hữu, không yêu cầu ông M phải thanh toán giá trị phần thừa kế cho anh S, chị Th.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về Tổ tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 239, 249, 250, 251, 258, 260, 262, 264, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của bà C có giá trị là 331.500.000đ cho những người thừa kế: Lê Văn M, Lê Văn H, Lê Văn S, Lê Thị Th theo tỷ

phần bằng nhau. Trong ông Lê Văn M là người được nhận hiện vật. Lê Văn H, Lê Văn S, Lê Thị Th được nhận tiền tương ứng với tỷ phần được hưởng.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 5 Điều 26; Điểm a, Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị C chết năm 2013, tháng 11/2020, ông Lê Văn M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông M là trong thời hiệu được quyền khởi kiện.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Văn H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về phân chia tài sản chung của vợ chồng:

Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị C xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1969, nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quan hệ giữa ông M và bà C là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Khối tài sản gồm: quyền sử dụng thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A, diện tích 47,5m² và ngôi nhà cấp bốn trên đất, tổng giá trị tài sản là 663.000.000đ, được vợ chồng ông M, bà C tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng.

Để xác định di sản thừa kế của bà C cần phân chia tài sản chung của vợ chồng ông M, bà C. Vợ chồng ông M, bà C có công sức ngang nhau trong việc

tạo lập tài sản chung, vì vậy tài sản chung được chia đôi cho vợ chồng. Căn cứ Điều 213 Bộ luật Dân sự, HĐXX chia cho ông M, bà C mỗi người $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung gồm: quyền sử dụng đất đối với 23,75m² đất thuộc thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp bốn trên đất, mỗi phần có giá trị là 331.500.000đ.

2.2. *Về thời điểm mở thừa kế:* Bà Nguyễn Thị C chết 29/4/2013. Căn cứ khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự, thời điểm mở thừa kế của bà C là ngày 29/4/2013.

2.3. *Về yêu cầu chia thừa kế và xác định di sản thừa kế:*

Ông M yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C. Anh H không đồng ý chia thừa kế với lý do: Khi còn sống bà C đã nói cho anh thừa đất này, có sự thống nhất của ông M. Anh H không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông M, bà C đã tặng cho anh thừa đất này. Tại phiên tòa, ông M, anh S và chị Th đều khẳng định ông M và bà C không cho anh H thừa đất này. Vì vậy ý kiến anh H khẳng định ông M, bà C đã cho anh thừa đất này là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở để khẳng định $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung, gồm quyền sử dụng đất đối với 23,75m² đất thuộc thửa đất 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp bốn trên đất, có giá trị 331.500.000đ là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C. Bà C chết không để lại di chúc vì vậy, ông M yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

2.4. *Về diện thừa kế:* Ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị C sinh được 03 người con, không có con riêng, không có con nuôi. Vì vậy, xác định diện thừa kế của bà C gồm 4 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là: Ông Lê Văn M, anh Lê Văn H, anh Lê Văn S và chị Lê Thị Th.

2.5. *Về trích công sức duy trì, bảo quản di sản:* Ông M không có yêu cầu trích công sức bảo quản di sản thừa kế của bà C. Bà C chết năm 2013, nên thời gian ông M bảo quản di sản thừa kế không dài. Mặt khác, từ khi bà C chết, ông M là người đứng ra cho thuê nhà đất và lấy tiền hàng tháng. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần phải trích công sức bảo quản di sản cho ông M.

2.6. *Về kỳ phần thừa kế:*

Di sản thừa kế của bà C là quyền sử dụng đất đối với 23,75m² đất thuộc thửa đất 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp bốn trên đất, có giá trị là 331.500.000đ.

Do di sản thừa kế là phần đất và nhà diện tích nhỏ, nên không thể chia hiện vật, nên phải chia thừa kế theo giá trị. Giá trị phần di sản mỗi người thừa kế được chia như sau: Tổng giá trị di sản bà C để lại là 331.500.000đ chia cho 4 người thừa kế, ông M, anh H, chị Th và anh S mỗi người được hưởng 82.875.000đ.

2.7. Về phương án chia hiện vật: Tại phiên tòa, ông M có nguyện vọng được nhận phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất và nhà ở, ông có trách nhiệm thanh toán lại giá trị phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

HĐXX xét thấy: Ông M được sở hữu $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng 23,75m² đất và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà trên đất. Đối với $\frac{1}{2}$ khối tài sản còn lại là di sản thừa kế của bà C. Nếu giao phần di sản thừa kế của bà C cho người thừa kế khác quản lý, sử dụng là không phù hợp, vì không đủ điều kiện để tách thửa đất theo quy định tại Quyết định số 4663/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, HĐXX xét thấy giao cho ông M sở hữu toàn bộ di sản thừa kế của bà C là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, ông M có trách nhiệm thanh toán giá trị phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác là phù hợp. Phương án phân chia di sản thừa kế, cụ thể như sau:

Giao cho ông Lê Văn M được quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 870164, do UBND huyện Yên Định cấp ngày 24/4/2003, mang tên bà Nguyễn Thị C. Thửa đất có tứ cận: Cạnh phía Tây Bắc giáp tỉnh lộ 516B dài 9,7m; cạnh phía Đông Bắc giáp hộ ông Trịnh Thanh Viên dài 4,9m; cạnh phía Đông Nam giáp hộ bà Lê Thị Thiên, dài 9,7m; cạnh phía Tây Nam giáp hộ ông Trịnh Văn Hoàng, dài 4,9m. Tổng diện tích thửa đất là 47,5m². Giao cho ông M được sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn 4 gian, mái ngói, trần tôn, diện tích 34,9m², xây dựng trên thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh S, chị Th giao cho ông M sở hữu phần di sản thừa kế của anh S, chị Th. Ông M không phải thanh toán cho anh S, chị Th giá trị phần di sản thừa kế mà anh S, chị Th được hưởng.

Ông Lê Văn M có trách nhiệm thanh toán cho anh Lê Văn H giá trị phần di sản thừa kế anh H được hưởng là 82.875.000đ.

2.8. Về chi phí thẩm định, định giá: Nguyên đơn là ông Lê Văn M đã nộp số tiền tạm ứng chi phí thẩm định và định giá. Sau khi thẩm định, định giá tài sản chi phí hết 4.900.000đ. Ông M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài

sản, không yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại, nên HĐXX không xem xét.

2.9. *Về án phí:* Ông M là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14, ông M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh H, anh S và chị Th mỗi người phải chịu số tiền án phí là $82.875.000đ \times 5\% = 4.143.800đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 213, 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Lê Văn M.

- Xác nhận khối tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A, diện tích $47,5m^2$ và ngôi nhà cấp bốn trên đất, trị giá toàn bộ khối tài sản là 663.000.000đ, là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị C. Chia cho ông M, bà C mỗi người $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung gồm: quyền sử dụng đất đối với $23,75m^2$ và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp bốn trên đất, mỗi phần có giá trị là 331.500.000đ.

- Xác nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C để lại là $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung gồm: quyền sử dụng đất đối với $23,75m^2$ đất thuộc thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A và $\frac{1}{2}$ ngôi nhà cấp bốn trên đất, có giá trị là 331.500.000đ.

- Xác nhận diện hưởng thừa kế của bà Nguyễn Thị C gồm 04 người: Ông Lê Văn M, anh Lê Văn H, anh Lê Văn S và chị Lê Thị Th.

- Kỷ phần thừa kế: Ông Lê Văn M, anh Lê Văn H, anh Lê Văn S và chị Lê Thị Th mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là 82.875.000đ (*Tám mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Chia theo hiện vật cụ thể:

Giao cho ông Lê Văn M được quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 870164, do UBND huyện Yên

Định cấp ngày 24/4/2003, mang tên bà Nguyễn Thị C. Thửa đất có tứ cận: Cạnh phía Tây Bắc giáp tỉnh lộ 516B dài 9,7m; cạnh phía Đông Bắc giáp hộ ông Trịnh Thanh Viên dài 4,9m; cạnh phía Đông Nam giáp hộ bà Lê Thị Thiên, dài 9,7m; cạnh phía Tây Nam giáp hộ ông Trịnh Văn Hoàng, dài 4,9m. Tổng diện tích thửa đất là 47,5m². Giao cho ông M được sở hữu 01 ngôi nhà cấp bốn 4 gian, mái ngói, trần tôn, diện tích 34,9m², xây dựng trên thửa đất số 949.4, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn 2, xã A, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Lê Văn S và chị Lê Thị Th giao cho ông M sở hữu phần di sản thừa kế của anh S, chị Th. Ông M không phải thanh toán cho anh S, chị Th giá trị phần di sản thừa kế mà anh S, chị Th được hưởng.

Ông Lê Văn M chịu trách nhiệm thanh toán cho anh Lê Văn H giá trị phần di sản thừa kế anh H được hưởng là 82.875.000đ (*Tám mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án số tiền trên, nếu bên phải thi hành không chịu thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất, theo mức lãi suất quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự.

Ông Lê Văn M có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất được giao sở hữu ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn M. Anh Lê Văn H, anh Lê Văn S và chị Lê Thị Th, mỗi người phải chịu 4.143.800đ (*Bốn triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Lê Văn M 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số AA/2015/0005324 ngày 01/12/2020.

- Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho ông M, anh S, chị Th trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với anh H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng